

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 24 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Lâm Tiến Dũng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Hoàng Việt	Thành viên	
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Phạm Bá Ngân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Hưng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thu Oanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2023

(*) Ông Nguyễn Mạnh Hà được giao nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ cho đến khi kiện toàn nhân sự Tổng giám đốc kể từ ngày 18/04/2023 theo quyết định số 54/QĐ-HĐQT.

Số: 140823.013/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 01/01/2023 và 30/06/2023, Công ty đang theo dõi giá trị Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I tại chỉ tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng cân đối kế toán (thuyết minh số 10) với số tiền 59,4 tỷ đồng. Trong đó, hạng mục "San lấp mặt bằng, kè bảo vệ bờ dọc sông Hậu và kè bảo vệ bờ dọc Cái Cui" thuộc dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I có một phần giá trị 5,7 tỷ đồng được thực hiện trên diện tích hiện giờ thuộc quỹ đất dự phòng của UBND Thành phố Cần Thơ quản lý. Trong thời gian tới Công ty sẽ làm việc để quyết toán lại phần chi phí đã thực hiện trên với UBND Thành phố Cần Thơ, do đó chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục nêu trên và các khoản mục có liên quan (nếu có) trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty.

Kết luận kiểm toán ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau đây:

1. Tính đến thời điểm 30/06/2023 vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284,8 tỷ VND tuy nhiên vốn thực góp chỉ có 275,3 tỷ đồng. Vào ngày 04/11/2021, Công ty đã gửi công văn số 490/CCT-TCNS tới Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp. Ngày 24/07/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã gửi công văn số 1903/SKHĐT - ĐKKD cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xin hướng dẫn thực hiện thủ tục giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ, Công ty đang chờ các văn bản hướng dẫn tiếp theo của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. (Thuyết minh số 34 - Thông tin khác)
2. "Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I" được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 230,3 tỷ đồng; "Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II" được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện. (Thuyết minh số 10 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang)

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ của chúng tôi.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		81.812.327.999	73.061.824.869
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	25.705.650.347	19.042.828.555
111	1. Tiền		13.494.795.563	9.060.726.840
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.210.854.784	9.982.101.715
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	13.079.350.000	12.987.350.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		13.079.350.000	12.987.350.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		38.923.644.245	39.050.814.033
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	33.289.299.091	34.715.193.190
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.166.125.323	5.418.240.522
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.315.630.966	7.764.791.456
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.847.411.135)	(8.847.411.135)
140	IV. Hàng tồn kho	9	746.882.709	885.877.249
141	1. Hàng tồn kho		746.882.709	885.877.249
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.356.800.698	1.094.955.032
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.355.422.549	481.111.545
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.378.149	613.843.487
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		269.594.598.882	274.464.098.887
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		72.000.000	57.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	72.000.000	57.000.000
220	II. Tài sản cố định		186.560.072.945	193.097.247.662
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	182.108.650.336	188.570.381.149
222	- Nguyên giá		461.033.182.152	460.581.182.152
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(278.924.531.816)	(272.010.801.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.451.422.609	4.526.866.513
228	- Nguyên giá		8.055.335.602	8.055.335.602
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.603.912.993)	(3.528.469.089)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	75.763.165.011	73.760.524.276
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		75.763.165.011	73.760.524.276
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.497.251.573	4.497.251.573
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.497.251.573	4.497.251.573
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.702.109.353	3.052.075.376
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.702.109.353	3.052.075.376
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		351.406.926.881	347.525.923.756

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		90.509.752.614	87.822.963.091
310	I. Nợ ngắn hạn		21.204.782.115	19.765.221.842
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	2.957.103.369	2.841.861.413
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		86.209.022	67.919.416
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.223.827.817	659.300.392
314	4. Phải trả người lao động		1.740.287.893	1.004.778.199
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	182.234.116	158.703.149
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	220.911.300	36.818.550
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	5.069.724.175	5.587.356.300
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	6.716.000.000	9.400.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.484.423	8.484.423
330	II. Nợ dài hạn		69.304.970.499	68.057.741.249
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	32.361.648.971	30.440.419.721
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	36.943.321.528	37.617.321.528
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		260.897.174.267	259.702.960.665
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	260.897.174.267	259.702.960.665
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		275.281.179.597	275.281.179.597
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.281.179.597	275.281.179.597
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		646.231.180	646.231.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(15.030.236.510)	(16.224.450.112)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(16.224.450.112)	(17.225.809.365)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.194.213.602	1.001.359.253
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>351.406.926.881</u>	<u>347.525.923.756</u>


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	
			2023 VND	2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	73.604.723.586	58.798.309.821
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.604.723.586	58.798.309.821
11	4. Giá vốn hàng bán	23	60.020.310.891	47.345.467.320
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.584.412.695	11.452.842.501
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	663.532.488	486.450.295
22	7. Chi phí tài chính	25	1.293.329.250	1.220.712.558
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.293.329.250	1.220.712.558
25	8. Chi phí bán hàng	26	377.302.336	393.432.260
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	11.019.747.100	11.975.403.602
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.557.566.497	(1.650.255.624)
31	11. Thu nhập khác	28	71.918.823	620.431.365
32	12. Chi phí khác	29	131.680.817	95.486.095
40	13. Lợi nhuận-khác		(59.761.994)	524.945.270
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.497.804.503	(1.125.310.354)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	303.590.901	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.194.213.602</u>	<u>(1.125.310.354)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		43	(41)


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.497.804.503	(1.125.310.354)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.989.174.717	7.264.697.482
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(663.532.488)	(486.450.295)
06	- Chi phí lãi vay		1.293.329.250	1.220.712.558
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.116.775.982	6.873.649.391
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		504.676.473	(3.481.066.471)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		138.994.540	(151.868.356)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.687.365.499	1.045.225.538
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.524.344.981)	(1.657.318.132)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(239.496.127)	(3.678.490)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.683.971.386	2.624.943.480
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.454.640.735)	(818.967.003)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(92.000.000)	(3.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	550.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		883.491.141	486.450.295
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.663.149.594)	(2.782.516.708)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(3.358.000.000)	(4.700.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.358.000.000)	(4.700.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.662.821.792	(4.857.573.228)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		19.042.828.555	27.840.121.984
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>25.705.650.347</u>	<u>22.982.548.756</u>



Thái Thị Mỹ Linh
Người lập



Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 24 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 275.281.179.597 đồng; tương đương 27.528.118 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 147 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 167 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyên cảng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh (kho ngoại quan) và kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển, viễn dương và vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, khai thuế hải quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng. Địa chỉ tại tỉnh Sóc Trăng; hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ vận chuyên cảng, cho thuê kho bãi.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 3 tháng đến 36 tháng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.120.246.078	1.308.859.759
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.374.549.485	7.751.867.081
Các khoản tương đương tiền	12.210.854.784	9.982.101.715
	<u>25.705.650.347</u>	<u>19.042.828.555</u>

Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	13.079.350.000	-	12.987.350.000	-
	<u>13.079.350.000</u>	<u>-</u>	<u>12.987.350.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30/06/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất từ 4,6%/năm đến 7,1%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh

Số dư chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh" là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn tại thời điểm 01/01/2023 và 30/06/2023 là 4.497.251.573 đồng với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 50%. Công ty liên doanh được thành lập và hoạt động tại tỉnh Trà Vinh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	38.841.550	-	36.311.760	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	38.841.550	-	35.872.200	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	-	-	439.560	-
<i>Bên khác</i>	33.250.457.541	(7.232.190.787)	34.678.881.430	(7.232.190.787)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	1.311.551.525	(655.775.763)	1.311.551.525	(655.775.763)
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	738.386.000	-	2.850.974.836	-
Công ty Cổ phần Phân bón dầu khí Cà Mau	5.098.336.031	-	5.704.190.111	-
Phải thu khách hàng khác	26.102.183.985	(6.576.415.024)	24.812.164.958	(6.576.415.024)
	33.289.299.091	(7.232.190.787)	34.715.193.190	(7.232.190.787)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	5.166.125.323	(952.400.000)	5.418.240.522	(952.400.000)
Công ty Cổ phần giải pháp cảng và hậu cần	331.160.000	-	331.160.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Seven Seas	277.495.375	-	667.980.000	-
Công ty TNHH Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
Công ty TNHH Duyên Hải Star	569.059.785	-	349.037.755	-
Trả trước cho người bán khác	3.362.910.163	(326.900.000)	3.444.562.767	(326.900.000)
	5.166.125.323	(952.400.000)	5.418.240.522	(952.400.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắc, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	154.250.000	-	154.250.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	268.600.198	-	488.558.851	-
Tạm ứng	3.987.420.450	-	4.109.856.234	-
Ký cược, ký quỹ	812.450.000	-	822.200.000	-
Phải thu đội thi công vét than tại Trà Vinh	2.166.754.711	-	1.366.510.824	-
Phải thu khác	1.926.155.607	(662.820.348)	823.415.547	(662.820.348)
	<u>9.315.630.966</u>	<u>(662.820.348)</u>	<u>7.764.791.456</u>	<u>(662.820.348)</u>
a2) <i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	154.250.000	-	154.250.000	-
Ông Tô Bá Phước	2.166.754.711	-	1.366.510.824	-
Đối tượng khác	6.994.626.255	(662.820.348)	6.244.030.632	(662.820.348)
	<u>9.315.630.966</u>	<u>(662.820.348)</u>	<u>7.764.791.456</u>	<u>(662.820.348)</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	-	-
Phải thu khác	57.000.000	-	57.000.000	-
	<u>72.000.000</u>	<u>-</u>	<u>57.000.000</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	154.250.000	-	-	-
	<u>154.250.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	30/06/2023		01/01/2023 (đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thúy Sơn - HG	435.149.053	-	555.149.053	-
- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư Trường Sơn	1.311.551.525	-	1.311.551.525	-
- Các khoản khác	7.795.460.305	694.749.748	7.580.474.182	599.763.625
	<u>9.542.160.883</u>	<u>694.749.748</u>	<u>9.447.174.760</u>	<u>599.763.625</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	87.254.064	-	163.711.683	-
Công cụ, dụng cụ	285.490.162	-	285.490.162	-
Hàng hoá	374.138.483	-	436.675.404	-
	746.882.709	-	885.877.249	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	59.433.908.642	59.433.908.642
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	8.647.825.475	8.647.825.475
- Công trình khác	7.681.430.894	5.678.790.159
	75.763.165.011	73.760.524.276

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2023: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng.

() Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II**

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2023: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ.

Theo quyết định số 57/QĐ-HHVN ngày 05/02/2013 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc giao tài sản và vốn của Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I và II cho Công ty TNHH MTV Cảng Cái Cui (sau này là Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ). Hiện tại, Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Số dư cuối kỳ	<u>7.803.335.602</u>	<u>252.000.000</u>	<u>8.055.335.602</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.276.469.089	252.000.000	3.528.469.089
- Khấu hao trong kỳ	75.443.904	-	75.443.904
Số dư cuối kỳ	<u>3.351.912.993</u>	<u>252.000.000</u>	<u>3.603.912.993</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	4.526.866.513	-	4.526.866.513
Tại ngày cuối kỳ	<u>4.451.422.609</u>	<u>-</u>	<u>4.451.422.609</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 252.000.000 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	205.106.558	228.353.908
Chi phí sửa chữa tài sản	300.750.687	149.718.585
Chi phí tiền thuê đất	1.943.174.189	-
Chi trả chế độ cho lao động nghỉ việc	828.966.917	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	77.424.198	103.039.052
	<u>3.355.422.549</u>	<u>481.111.545</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	645.049.592	120.399.790
Chi phí sửa chữa tài sản	1.767.286.249	1.240.583.223
Chi phí trả trước dài hạn khác	289.773.512	1.691.092.363
	<u>2.702.109.353</u>	<u>3.052.075.376</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>1.064.058.387</i>	<i>1.064.058.387</i>	<i>1.560.363.146</i>	<i>1.560.363.146</i>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	1.064.058.387	1.064.058.387	1.258.943.146	1.258.943.146
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	-	-	301.420.000	301.420.000
<i>Bên khác</i>	<i>1.893.044.982</i>	<i>1.893.044.982</i>	<i>1.281.498.267</i>	<i>1.281.498.267</i>
Đối tượng khác	1.893.044.982	1.893.044.982	1.281.498.267	1.281.498.267
	<u>2.957.103.369</u>	<u>2.957.103.369</u>	<u>2.841.861.413</u>	<u>2.841.861.413</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thới, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	429.370.621	2.692.354.976	1.986.261.827	-	1.135.463.770	-	-	-	1.135.463.770
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	229.629.771	303.590.901	239.496.127	-	293.724.545	-	-	-	293.724.545
Thuế Thu nhập cá nhân	-	300.000	19.668.022	21.346.171	1.378.149	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	613.843.487	-	3.499.593.228	91.110.239	-	2.794.639.502	-	-	-	2.794.639.502
Các loại thuế khác	-	-	106.634.096	106.634.096	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.848.322	1.848.322	-	-	-	-	-	-
	613.843.487	659.300.392	6.623.689.545	2.446.696.782	1.378.149	4.223.827.817				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí phải trả khác	182.234.116	158.703.149	182.234.116	158.703.149
	182.234.116	158.703.149		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Số dư chi tiêu "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" tại thời điểm cuối kỳ là doanh thu nhận trước của hoạt động thuê kho, văn phòng với số tiền 220.911.300 đồng.

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	65.271.493	12.450.472
- Bảo hiểm xã hội	216.255.636	-
- Bảo hiểm y tế	38.976.196	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.961.224	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	662.386.650	1.443.904.582
- Phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (*)	2.711.389.083	3.000.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chi hộ	1.054.359.052	971.359.052
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	304.124.841	159.642.194
	<u>5.069.724.175</u>	<u>5.587.356.300</u>
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	3.765.748.135	3.971.359.052
- Các đối tượng khác	1.303.976.040	1.615.997.248
	<u>5.069.724.175</u>	<u>5.587.356.300</u>
b) Dài hạn		
b1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.680.678.200	2.052.778.200
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (**)	9.657.452.669	8.364.123.419
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư (***)	20.023.518.102	20.023.518.102
	<u>32.361.648.971</u>	<u>30.440.419.721</u>
b2) Chi tiết theo đối tượng		
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	9.657.452.669	8.364.123.419
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ	20.023.518.102	20.023.518.102
- Các đối tượng khác	2.680.678.200	2.052.778.200
	<u>32.361.648.971</u>	<u>30.440.419.721</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	13.423.200.804	12.335.482.471
	<u>13.423.200.804</u>	<u>12.335.482.471</u>

(*) Khoản phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II".

(**) Khoản phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh. (Xem thông tin chi tiết khoản vay tại thuyết minh số 19).

(***) Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I".

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CẢN THƠ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

19 . VAY

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	9.400.000.000	9.400.000.000	674.000.000	3.358.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (*)	9.400.000.000	9.400.000.000	674.000.000	3.358.000.000	6.716.000.000	6.716.000.000
	<u>9.400.000.000</u>	<u>9.400.000.000</u>	<u>674.000.000</u>	<u>3.358.000.000</u>	<u>6.716.000.000</u>	<u>6.716.000.000</u>
b) Vay dài hạn						
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	47.017.321.528	47.017.321.528	-	3.358.000.000	43.659.321.528	43.659.321.528
	<u>47.017.321.528</u>	<u>47.017.321.528</u>	<u>-</u>	<u>3.358.000.000</u>	<u>43.659.321.528</u>	<u>43.659.321.528</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)	(674.000.000)	(3.358.000.000)	(6.716.000.000)	(6.716.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>37.617.321.528</u>	<u>37.617.321.528</u>			<u>36.943.321.528</u>	<u>36.943.321.528</u>

(*) Căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh ngày 30/09/2019 ký với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, kèm theo các Văn bản nhận nợ số 01/2019 ngày 30/09/2019 và số 02/2019 ngày 30/12/2019, trong năm 2019, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 VND và nợ lãi là 18.800.643.932 VND, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Bên cho vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, là bên liên quan có mối quan hệ là Công ty mẹ;

+ Số tiền vay: 75.217.321.528 VND;

+ Mục đích vay: Vinalines bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Căng Cản Cui - giai đoạn II";

+ Thời hạn của hợp đồng: 10 năm;

+ Lãi suất cho vay: kỳ tính lãi đầu tiên là 4,5%/năm; các kỳ tiếp theo được xác định định kỳ 01 năm điều chỉnh một lần vào ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2023 là 43.659.321.528 VND, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 6.716.000.000 VND;

+ Số dư nợ lãi vay tại thời điểm cuối kỳ là 9.657.452.669 VND (xem thuyết minh số 18);

+ Các biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối (đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	275.281.179.597	646.231.180	(17.225.809.365)	258.701.601.412
Lỗ trong kỳ trước	-	-	(1.125.310.354)	(1.125.310.354)
Số dư cuối kỳ trước	275.281.179.597	646.231.180	(18.351.119.719)	257.576.291.058
Số dư đầu kỳ này	275.281.179.597	646.231.180	(16.224.450.112)	259.702.960.665
Lãi trong kỳ này	-	-	1.194.213.602	1.194.213.602
Số dư cuối kỳ này	275.281.179.597	646.231.180	(15.030.236.510)	260.897.174.267

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	99,01	272.566.179.597	99,01	272.566.179.597
Các cổ đông khác	0,99	2.715.000.000	0,99	2.715.000.000
	100	275.281.179.597	100	275.281.179.597

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp đầu kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp cuối kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180
	646.231.180	646.231.180

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Cần Thơ với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 2 Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	218.624 m ²	50 năm từ ngày 16/8/2007 đến ngày 16/8/2057
2	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	29.342 m ²	42 năm 4 tháng từ ngày 07/9/2007 đến ngày 13/12/2049
3	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	28.764,1 m ²	30 năm từ ngày 22/7/1997 đến ngày 22/7/2027
4	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	3.729,4 m ²	50 năm từ ngày 22/01/2009 đến ngày 22/01/2059

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.709,12	1.715,72

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	6.714.012.454	7.999.331.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.890.711.132	50.798.978.631
	73.604.723.586	58.798.309.821
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	1.063.260.523	208.626.605

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.608.581.794	7.711.510.326
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.411.729.097	39.633.956.994
	60.020.310.891	47.345.467.320
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	2.972.706.312	1.146.014.152

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	663.532.488	486.450.295
	663.532.488	486.450.295

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.293.329.250	1.220.712.558
	1.293.329.250	1.220.712.558
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	1.293.329.250	1.220.712.558

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.120.000
Chi phí nhân công	235.355.144	245.349.422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.244.632	96.244.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.962.560	38.980.707
Chi phí khác bằng tiền	5.740.000	11.737.499
	377.302.336	393.432.260

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	576.430.744	480.086.249
Chi phí nhân công	5.135.823.916	7.451.441.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.655.940	307.655.940
Thuế, phí, lệ phí	67.883.985	88.382.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.922.004.614	1.555.186.923
Chi phí khác bằng tiền	3.009.947.901	2.092.650.702
	11.019.747.100	11.975.403.602

28 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt thu được	-	462.962.963
Thu nhập khác	71.918.823	157.468.402
	71.918.823	620.431.365

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

29 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	20.150.000	-
Chi phí khác	111.530.817	95.486.095
	131.680.817	95.486.095

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.497.804.503	(1.125.310.354)
Các khoản điều chỉnh tăng	20.150.000	-
- Chi phí không hợp lệ	20.150.000	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.517.954.503	(1.125.310.354)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	303.590.901	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	229.629.771	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(239.496.127)	(3.678.490)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	293.724.545	(3.678.490)

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.194.213.602	(1.125.310.354)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.194.213.602	(1.125.310.354)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	43	(41)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.181.792.789	2.787.865.471
Chi phí nhân công	17.248.765.048	16.100.768.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.989.174.717	7.264.697.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.862.833.653	22.505.821.344
Chi phí khác bằng tiền	10.526.212.326	2.904.183.408
	64.808.778.533	51.563.335.737

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.585.404.269	-	-	23.585.404.269
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.709.918.922	72.000.000	-	34.781.918.922
Các khoản cho vay	13.079.350.000	-	-	13.079.350.000
	<u>71.374.673.191</u>	<u>72.000.000</u>	<u>-</u>	<u>71.446.673.191</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.733.968.796	-	-	17.733.968.796
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.584.973.511	57.000.000	-	34.641.973.511
Các khoản cho vay	12.987.350.000	-	-	12.987.350.000
	<u>65.306.292.307</u>	<u>57.000.000</u>	<u>-</u>	<u>65.363.292.307</u>

C.T.T.
BAN
TOÁN
C
P.H.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Vay và nợ	6.716.000.000	36.943.321.528	-	43.659.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	8.026.827.544	32.361.648.971	-	40.388.476.515
Chi phí phải trả	182.234.116	-	-	182.234.116
	<u>14.925.061.660</u>	<u>69.304.970.499</u>	<u>-</u>	<u>84.230.032.159</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	9.400.000.000	37.617.321.528	-	47.017.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	8.429.217.713	30.440.419.721	-	38.869.637.434
Chi phí phải trả	158.703.149	-	-	158.703.149
	<u>17.987.920.862</u>	<u>68.057.741.249</u>	<u>-</u>	<u>86.045.662.111</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đảo hạn.

34 . THÔNG TIN KHÁC

Tính đến thời điểm 30/06/2023, vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284,8 tỷ VND, tuy nhiên vốn thực góp chỉ có 275,3 tỷ VND.

Ngày 02/06/2021, Công ty đã gửi công văn số 198/CCT-TCNS tới Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp và đang chờ được chấp thuận.

Ngày 04/11/2021, Công ty đã gửi công văn số 490/CCT-TCNS tới Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp. Theo công văn số 14966/BTC-TCDN về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp ngày 29/12/2021, Bộ Tài chính có yêu cầu Cảng Cần Thơ và phía Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức kiểm tra làm rõ, xác định nguyên nhân và tiến hành rà soát, xác định lại việc chậm quyết toán.

Ngày 17/05/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 1177/SKHĐT - ĐKKD về việc giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ theo đúng ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 2309/BKHĐT-ĐKKD và đã được Bộ Tài chính phúc đáp tại Công văn số 7139/BTC - TCDN ngày 07/07/2023.

Ngày 12/07/2023, Công ty đã gửi Công văn số 478/CCT - TCHC về việc hướng dẫn điều chỉnh vốn điều lệ của doanh nghiệp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư; trong đó, khẳng định lại việc đã hoàn thành các nội dung hướng dẫn tại các Công văn số 181/ĐKKD ngày 17/12/2020 của Cục quản lý đăng ký kinh doanh về việc đăng ký giảm vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa và Công văn số 14966/BTC-TCDN ngày 29/12/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Ngày 24/07/2023, Sở kế hoạch và Đầu tư đã gửi công văn số 1903/SKHĐT - ĐKKD cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xin hướng dẫn thực hiện thủ tục giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ. Hiện tại, Công ty vẫn đang chờ các văn bản hướng dẫn tiếp theo của các cơ quan quản lý có thẩm quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên doanh

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	1.063.260.523	208.626.605
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	193.788.000	193.788.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	203.000	14.838.605
Công ty Vận tải Biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	817.694.718	-
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	48.134.805	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng Hải Hậu Giang	3.440.000	-
Mua hàng	2.972.706.312	1.146.014.152
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.295.790.279	1.146.014.152
Công ty Vận tải Biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	257.046.033	-
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Hải Phòng	13.300.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	720.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng Hải Hậu Giang	686.570.000	-
Chi phí lãi vay	1.293.329.250	1.220.712.558
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.293.329.250	1.220.712.558

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2023	2022
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Lê Quang Trung Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	10.000.000	125.125.000
Ông Lâm Tiến Dũng Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	136.400.000	125.125.000
Ông Trần Tuấn Hải Thành viên HĐQT	30.000.000	-
Ông Hoàng Việt Thành viên HĐQT	30.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Đăng Song Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	10.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Hưng Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023) Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	95.600.000	38.700.000
Ông Phạm Bá Ngân Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	26.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hà Phó Tổng Giám đốc	108.000.000	78.625.000
Ông Tạ Khả Duy Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 16/01/2023)	108.000.000	96.250.000
Ông Lê Tiến Công Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 24/02/2023)	108.000.000	96.250.000
Ông Nguyễn Văn Bá Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/04/2022)	-	70.400.000
Ông Nguyễn Văn Phương Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/04/2022) Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/05/2022)	-	76.800.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước/kỳ trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ					
Phải thu ngắn hạn khác	136	11.842.726.899	7.764.791.456	(4.077.935.443)	(1)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(6.993.166.538)	(8.847.411.135)	(1.854.244.597)	(2)
Phải trả ngắn hạn khác	421	7.260.180.984	5.587.356.300	(1.672.824.684)	(3)
Phải trả dài hạn khác	421	28.767.595.037	30.440.419.721	1.672.824.684	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(10.292.270.072)	(16.224.450.112)	(5.932.180.040)	(4)

- (1) Công ty điều chỉnh lại khoản Phải thu về lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn các năm trước do chưa đủ cơ sở ghi nhận;
- (2) Công ty điều chỉnh bổ sung Dự phòng nợ phải thu khó đòi các kỳ trước;
- (3) Phân loại lại khoản mục;
- (4) Ảnh hưởng của các điều chỉnh (1) và (2).


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2023

